

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH MIỆN  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2021/HS-ST

Ngày: 26-10-2021

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN, TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông An V Khoái

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Đào Đình Phúc.

- Bà Nguyễn Thị Hoài.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn V Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T M, tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T M, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Xuân Thạo - Kiểm sát viên.

Ngày 26/10/2021 tại Tòa án nhân dân huyện T M, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 63/2021/TLST-HS ngày 08/10/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2021/QĐXXST-HS ngày 08/10/2021 đối với:

**1. Bị cáo:**

**T V T**, sinh năm 1984 tại Hải Dương; nơi ĐKTT và chỗ ở: Thôn Đ L, xã P K, huyện T M, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông T V Xô và bà Vũ Thị Thủy; có vợ là Phạm Thị Hà và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2009.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 19/8/2020, bị Công an huyện T M, tỉnh Hải Dương xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau (đã chấp hành quyết định ngày 24/8/2020).

Nhân thân: Ngày 30/8/2020, bị công an huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng các loại vũ khí, công cụ không có giấy phép và xâm hại sức khỏe người khác (đã chấp hành quyết định ngày 05/9/2018).

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

**2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Chị L T L - sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn Đông, xã Thanh Tùng, huyện T M, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người làm chứng:

- Anh Nguyễn V Thùy.
- Anh Phạm Tiến Dũng.
- Anh Đào V Đạt.
- Anh Phạm V Điều.
- Anh Đỗ Xuân Hiếu.
- Anh Nguyễn V Dương.

Vắng mặt không có lý do.

### **NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có quen biết từ trước, sáng ngày 11/7/2019, chị L T L – sinh năm 1991 ở thôn Đông, xã Thanh Tùng, huyện T M đến quán mua bán xe máy của T V T ở thôn Đ L, xã P K, huyện T M, tỉnh Hải Dương để vay tiền. T đồng ý cho chị L vay 30.000.000 đồng trong thời hạn 01 tháng, lãi suất 10.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày, tương đương với 9.000.000 đồng/ 01 tháng, 01 tháng tính là 30 ngày, thanh toán lãi và gốc vào ngày 11/8/2019. T hướng dẫn chị L viết giấy vay tiền rồi đưa số tiền 30.000.000 đồng cho chị L. Đến thời hạn thanh toán gốc và lãi, chị L không có tiền trả nên đã thỏa thuận với T tiếp tục cho chị L vay với lãi suất như trên và trả lãi hàng tháng. Trong khoảng thời gian vay tiền, có một số tháng chị L không có tiền trả lãi cho T nên đã thỏa thuận với T khi nào có sẽ thanh toán sau, T đồng ý.

Từ tháng 12 năm 2019 đến tháng 3 năm 2020, T thuê anh Nguyễn V Thùy – sinh năm 1987, ở thôn Liễn Hạ, xã Đại Xuân, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh thu tiền lãi của chị L. Anh Thùy đã gửi cho chị L số tài khoản 0351001224802 của mình mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần ngoại thương Việt Nam để chị L thanh toán tiền lãi. Chị L sử dụng số tài khoản của mình 0341007134944 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần ngoại thương Việt Nam để chuyển khoản cho anh Thùy 03 lần với tổng số tiền lãi là 15.000.000 đồng.

Từ tháng 6 đến tháng 8 năm 2020, T gửi cho chị L số tài khoản 230520577981 mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam mang tên chị Phạm Thị Hà – sinh năm 1988 (vợ T), ở thôn Đ L, xã P K, huyện T M, tỉnh Hải Dương (tài khoản do T sử dụng) để chị L chuyển khoản trả tiền lãi. Chị L sử dụng số tài khoản 0341007134944 để chuyển khoản đến số tài khoản của chị Hà 04 lần với tổng số tiền 14.200.000 đồng.

Từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2020, T thuê anh Phạm Tiến Dũng – sinh năm 1994, ở thôn Hữu Trung, xã Tân Phong, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương thu tiền lãi của chị L. Anh Dũng đã gửi cho chị L số tài khoản 12010007228287 của mình mở tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam để chị L thanh toán tiền lãi. Chị L sử dụng số tài khoản 0341007134944 để chuyển khoản cho anh Dũng 04 lần với tổng số tiền 23.000.000 đồng.

Từ tháng 9 năm 2020 đến tháng 3 năm 2021, T gửi cho chị L số tài khoản 32542999999 của mình mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn để chị L thanh toán tiền lãi. Chị L sử dụng số tài khoản 0341007134944 để chuyển khoản cho T 06 lần với tổng số tiền là 23.000.000 đồng.

Từ tháng 4 đến tháng 5 năm 2021, T thuê anh Đào V Đạt – sinh năm 2001, ở thôn Lam Sơn, xã Lam Sơn, huyện T M, tỉnh Hải Dương và Phạm V Điều – sinh năm 1994, ở thôn Phú Đa, xã Hồng Khê, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương thu tiền lãi của chị L. Anh Đạt đã gửi cho chị L số tài khoản 107869841118 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam và số tài khoản 41393333333 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ Sài Gòn của mình để chị L thanh toán tiền lãi, chị L sử dụng số tài khoản 0341007134944 để chuyển khoản 04 lần vào tài khoản số 107869841118 với tổng số tiền 6.300.000 đồng và chuyển khoản 01 lần vào tài khoản số 41393333333 số tiền 2.500.000 đồng.

Sau mỗi lần nhận tiền lãi của chị L, anh Thùy, Dũng, Đạt đều rút và chuyển lại cho T. Tổng số tiền lãi T đã nhận của chị L là 84.000.000 đồng.

Ngày 27/5/2021, anh Đào V Đạt và Phạm V Điều đi xe mô tô biển kiểm soát 34F1-263.14 đến nhà chị L để thu tiền lãi thì xảy ra mâu thuẫn với anh Nguyễn Đình Nam - sinh năm 1984 (chồng chị L) ở thôn Đông, xã Thanh Tùng, huyện T M, tỉnh Hải Dương, anh Nam làm đơn trình báo sự việc, Cơ quan điều tra tiến hành triệu tập T V T để làm rõ hành vi và xử lý theo quy định của pháp luật.

Theo V bản số 875/HAD-THNS&KSNB ngày 02/8/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Hải Dương xác định: Lãi 10.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay gốc/ 01 ngày: Mức lãi suất tính theo tỷ lệ %/năm là 365,0%/ năm. Tiền vay gốc 30.000.000 đồng/thời hạn tính lãi là 280 ngày/ lãi suất tính lãi 20%/ năm: số tiền lãi là 4.602.740 đồng.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định mức lãi suất không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay. Như vậy, mức lãi suất T cho chị L vay cao gấp  $365\%/20\% = 18,25$  lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

Số tiền T thu lời bất chính = số tiền lãi T thu được – số tiền lãi T thu theo quy định của Bộ luật Dân sự: 84.000.000 đồng – 4.602.740 đồng = **79.397.260 đồng**.

Kết luận giám định số 52/KLGD ngày 03/8/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương kết luận: Chữ viết trên tài liệu cần giám định (giấy vay tiền) với chữ viết đứng tên L T L trên tài liệu so sánh là do cùng một người viết ra.

Tại bản Cáo trạng số: 65/CT-VKS ngày 07 tháng 10 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện T M, tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo T V T về tội “Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

**Tại phiên toà:**

- Đại diện VKSND huyện T M, tỉnh Hải Dương thực hành quyền công tố trình bày luận tội giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 201; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 BLHS;  
+ *Về tội danh*: T bố bị cáo T V T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

+ Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo T V T từ 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng) đến 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng).

Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với T V T.

+ Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

+ *Về vật chứng*: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, b khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Trả lại xe mô tô biển kiểm soát 34F1-263.14 cho bị cáo T.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 30.000.000 đồng sử dụng vào việc phạm tội và truy thu số tiền 4.602.740 đồng là khoản tiền phát sinh từ tội phạm (do phạm tội mà có) nộp ngân sách nhà nước.

+ *Về án phí*: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, luật phí và lệ phí số 97 của Quốc Hội; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng của án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

- Bị cáo T V T khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu ở trên và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T M, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện T M, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định bị cáo có tội: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa và trong quá trình điều tra phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian

từ 11/7/2019 đến 27/5/2021, tại quán bán xe máy của mình ở thôn Đ L, xã P K, huyện T M, tỉnh Hải Dương: T V T cho chi L T L, sinh năm 1991 ở thôn Đông, xã Thanh Tùng, huyện T M, tỉnh Hải Dương vay số tiền 30.000.000đ với mức lãi suất gấp 18,25 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (365%/20%) thu lợi bất chính số tiền 79.397.260đ.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế mà cụ thể là trật tự quản lý của nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, ảnh hưởng đến lợi ích của người khác, gây mất trật tự tại địa phương. Bị cáo nhận thức được việc cho vay lãi nặng là trái pháp luật, nhưng vì mục đích tư lợi, vẫn cố ý thực hiện, nên phải chịu trách nhiệm hình sự về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T M thực hành quyền công tố đã luận tội đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân chưa tốt đã có một tiền sự bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau; có 01 lần bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi tàng trữ vũ khí, công cụ không có giấy phép.

Xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy có thể áp dụng đối với bị cáo hình phạt chính là phạt tiền, tạo điều kiện giúp đỡ bị cáo sửa chữa sai lầm và cũng có tác dụng giáo dục bị cáo thành công dân tốt, đồng thời bảo đảm mục đích đấu tranh, phòng ngừa tội phạm.

[4] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xem xét áp dụng hình phạt chính là phạt tiền, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã quản lý xe mô tô biển kiểm soát 34F1-263.14 của bị cáo T V T (anh Điều và anh Đạt sử dụng lần đầu tiên để đi đến nhà chị L thu tiền lãi tháng 5/2021 nhưng không thu được), do đó xác định xe không sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

Chị L T L đã trả T số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng, T đã giao nộp số tiền trên cho Cơ quan điều tra, hiện số tiền đang được gửi tại Kho bạc Nhà nước huyện T M; số tiền trên là công cụ bị cáo sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

Số tiền 4.602.740 đồng tương ứng với mức lãi suất 20% là khoản tiền phát sinh từ tội phạm (do phạm tội mà có), bị cáo đã sử dụng hết nên truy thu, nộp ngân sách nhà nước.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Số tiền **79.397.260 đồng** đồng là tiền lãi tương ứng với mức lãi suất vượt quá 20%/năm là khoản tiền bị cáo thu lợi bất chính của chị L T L nên được trả lại cho chị L. Chị L đã nhận **79.397.260 đồng** và không yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không phải giải quyết về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo.

[7] Về án phí: Bị cáo bị kết án, nên phải chịu án phí theo quy định.

Quá trình điều tra xác định, anh Nguyễn V Thùy, Phạm Tiến Dũng và Đào V Đạt có hành vi giúp T thu tiền lãi của chị L với số tiền dưới 30 triệu đồng, nên chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm; chị Phạm Thị Hà cho T sử dụng tài khoản để nhận tiền lãi của chị L nhưng không biết việc T cho chị L vay tiền với lãi suất cao nên cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện không xử lý là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

Về tội danh: T bố bị cáo T V T phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự

Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo T V T 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo bị cáo T V T từ ngày 26/10/2021.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a, b khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Trả lại xe mô tô biển kiểm soát 34F1-263.14 cho bị cáo T.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 30.000.000 đồng sử dụng vào việc phạm tội và truy thu số tiền 4.602.740 đồng là khoản tiền phát sinh từ tội phạm (do phạm tội mà có) nộp ngân sách nhà nước. Số tiền 30.000.000đ và xe máy hiện đang được quản lý tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T M theo biên bản giao nhận vật chứng giữ cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện T M và Chi Cục Thi hành án dân sự huyện T M ngày 13/10/2021.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo T V T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày T án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án sơ thẩm có liên quan đến quyền và nghĩa vụ; thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- VKSND huyện T M;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- CQ CSĐT Công an huyện T M;
- Bộ phận HSNV Công an huyện T M;
- Chi cục THADS huyện T M;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**An V Khoái**